

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2020/HS-ST

Ngày: 28-9-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

*Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Hòa.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Trọng Cảnh.

Ông Phạm Quang Hùng.

Bà Trần Thị Vân Giang.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thanh Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 65/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

**Vì Văn T (tên gọi khác: Không)**, sinh năm 1966, tại xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vì Văn I, sinh năm 1933 và bà Lò Thị M, sinh năm 1936; có vợ Lò Thị S, sinh năm 1970 và 02 người con, con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền án: Không, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 21/8/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 9 năm 6 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, ngày 27/01/2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; bị cáo chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/4/2020 đến ngày 14/4/2020 tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**- Người bào chữa cho bị cáo Vì Văn T:** Ông Nguyễn Trần D, Luật sư Công ty Luật H và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên.

Địa chỉ: Số nhà 276, tổ dân phố 6, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lò Thị S, sinh năm 1970. Địa chỉ: Bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 20/11/2019, Vì Văn T đi thăm ruộng của gia đình ở khu vực bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên thì gặp Y là người quen khi còn học phổ thông và biết được Y đang sống ở bản N, huyện M, tỉnh P, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về thăm người nhà ở bản H, xã T. T được Y thuê vận chuyển 05kg ma túy đến bến xe khách tỉnh Điện Biên gửi về Hà Nội, với tiền công là 30 triệu đồng và hẹn mấy hôm nữa sẽ cho người mang ma túy đến tận nhà. Vì muốn có tiền nên T nhận lời. Đến chiều tối ngày 24/11/2019, T đang ở nhà thì có một người đàn ông khoảng 30 tuổi đi xe máy màu đỏ đến gặp T, người này không giới thiệu tên, chỉ nói nhà ở xã T, huyện Đ rồi đưa cho T 01 hộp bìa cattong loại đựng bánh Chocopie nói là hàng Y gửi, đồng thời đưa mảnh giấy ghi số điện thoại và tên người nhận và 30 triệu đồng tiền công cho T. Khi người đàn ông đi về, T viết lại tên và số điện thoại với nội dung “Gửi H: 0843.510.624 Hà Nội” vào 02 mảnh giấy trắng có dòng kẻ rồi dán lên bề mặt và đáy hộp bìa cattong đựng ma túy, sau đó quấn băng dính màu trắng. Sau đó, T điều khiển xe máy mang hộp bìa cattong đựng ma túy trên đến gửi nhà xe K đang đỗ trước quán cà phê H ở gần bến xe khách tỉnh Điện Biên thuộc tổ 01, phường T, thành phố Đ rồi đi về. Khoảng 03 ngày sau, Tiên xem tin tức trên mạng thì biết được hộp đựng ma túy mà T gửi nhà xe K đã bị Công an thu giữ. Đến ngày 11/4/2020, T đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên tự thú về hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy trên của mình.

Tại bản Kết luận giám định số 1066/GĐ-PC09 ngày 04/12/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

- 05 (năm) mẫu ký hiệu MT1, MT2, MT3, MT4, MT5 gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine.

- Khối lượng T1: 999,28 gam; T2: 996,25 gam; T3: 998,86 gam; T4: 1.014,35 gam; T5: 991,58 gam.

- Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 323, Mục IIC, Danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

Bản Cáo trạng số 58/CT-VKS-P1 ngày 08/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố ra trước Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên để xét xử Vì Văn T về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo điểm b Khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b Khoản 4 Điều

250; điểm s, r Khoản 1 Điều 51; Điều 39 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vì Văn T tù Chung thân về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Vì Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên đồng thời không có bổ sung thêm gì với bản bào chữa của người bào chữa cũng như không có ý kiến tranh luận gì với bản luận tội của kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Lời nói sau cùng bị cáo Vì Văn T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Vì Văn T không có ý kiến tranh luận gì về tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến điều kiện sinh sống của bị cáo Vì Văn T: Bị cáo do hiểu biết pháp luật còn nhiều hạn chế, bản thân bị cáo mới học đến lớp 7/10, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải; khi chưa bị phát hiện bị cáo đã ra tự thú về hành vi phạm tội của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s, r Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo:**

Lời khai của bị cáo Vì Văn T trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản tiếp nhận người phạm tội ra tự thú. Qua đó xác định vào khoảng 10 giờ ngày 20/11/2019, Vì Văn T đi thăm ruộng của gia đình ở khu vực bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên thì gặp Y là người quen đang sống ở bản N, huyện M, tỉnh P, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về thăm người nhà ở bản H, xã T. T được Y thuê vận chuyển 05kg ma túy đến bến xe khách tỉnh Điện Biên gửi về Hà Nội, với tiền công là 30 triệu đồng. Vì muốn có tiền nên T nhận lời. Đến khoảng 18 giờ ngày 24/11/2019, T nhận của một người đàn ông không biết tên nhà ở xã T 01 hộp bìa cattong đựng 5.000,32 gam Methamphetamine và 30 triệu đồng tiền công rồi mang hộp bìa cattong đựng số

ma túy đó đến gửi nhà xe K đang đỗ trước quán cà phê H thuộc tổ dân phố 01 phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên rồi đi về. Đến ngày 11/4/2020, T đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên tự thú về hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy trên của mình.

Lời khai nhận đó của bị cáo phù hợp với kết luận giám định về chất ma túy, kết luận về chữ viết trên hộp bìa cattong và chữ viết của bị cáo, biên bản xem xét kết quả sao lưu dữ liệu vào ngày 27/11/2019 của gia đình ông Nguyễn Văn H sinh năm 1972 và gia đình ông Phan Thanh T sinh năm 1991, tại tổ dân phố 01, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, nơi Vì Văn T đã gửi hộp bìa cattong bên trong có chứa 5.000,32 gam Methamphetamine, biên bản nhận dạng người và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo là người đã thực hiện hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy. Hành vi đó của bị cáo đã phạm vào tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điều 250 Bộ luật Hình sự như kết luận của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Vì Văn T là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trên địa bàn. Mặt khác, ma túy là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy của bị cáo Vì Văn T là đặc biệt nghiêm trọng. Nguyên nhân xuất phát từ động cơ, mục đích vận chuyển trái phép chất ma túy của bị cáo là do hám lời.

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi vận chuyển trái phép 5.000,32 gam Methamphetamine nhằm để kiếm lời, đã cấu thành tình tiết định khung được quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân tỉnh Điện Biên truy tố đối với bị cáo Vì Văn T về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo điểm b Khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, bị cáo không bị oan sai.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù Chung thân đối với bị cáo. Người bào chữa cũng đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì khối lượng ma túy mà bị cáo vận chuyển là đặc biệt lớn, bản thân bị cáo là người có thời gian dài trong quân đội có am hiểu về pháp luật, bản thân bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử về hai tội Mua bán trái phép chất ma túy và Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy và đã có thời gian dài cải tạo tại trại; bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ song vẫn phải áp dụng mức hình phạt cao nhất đó là loại trừ Vì Văn T ra khỏi đời

sống xã hội để lấy đó làm bài học cảnh báo chung cho toàn xã hội, phục vụ cho công tác đấu tranh, ngăn ngừa các loại tội phạm trong tình hình hiện nay.

**[3] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:**

Bị cáo Vì Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Năm 2009 bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xét xử về tội Mua bán trái phép chất ma túy và tội Chứa chấp việc sử dụng phép chất ma túy (tổng hợp hình phạt là 09 năm 06 tháng tù), đến ngày 27/01/2016 mới chấp hành xong hình phạt tù. Sau khi chấp hành xong hình phạt do hám lợi, bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”. Sau đó bỏ trốn và biết không thể bỏ trốn mãi nên đến ngày 11/4/2020, bị cáo đã ra tự thú, sau đó bị tạm giam liên tục từ đó đến nay.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; khi chưa bị phát hiện bị cáo đã ra tự thú về hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, bị cáo cũng có thời gian tham gia quân đội phục vụ bảo vệ tổ quốc nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, r Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

**[4] Về hình phạt bổ sung:**

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015:

*“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.*

Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của bị cáo là làm ruộng, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

Đối với số tiền bị cáo được hưởng lợi từ việc vận chuyển trái phép chất ma túy là 30.000.000 đồng, bị cáo đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết, điều kiện kinh tế của bị cáo gặp nhiều khó khăn nên Hội đồng xét xử không buộc bị cáo phải nộp lại số tiền đó vào ngân sách nhà nước.

**[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.** Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

**[6] Về vật chứng vụ án:** Theo quy định tại Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, số vật chứng đã thu giữ của bị cáo cần xử lý như sau:

- Đối với 4.970,3 gam Methamphetamine là vật chứng của vụ án còn lại sau khi giám định, cần tịch thu tiêu hủy.

- Tịch thu tiêu hủy 02 mảnh bì catton, mặt ngoài mỗi mảnh bì có dán giấy kẻ ngang màu trắng và giấy chứng nhận xe mô tô, xe máy.

- Trả lại cho bị cáo chứng minh nhân dân mang tên bị cáo Vì Văn T.

- Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Future màu xanh, biển kiểm soát 27P1-006.26, bị cáo Vì Văn T đã sử dụng làm phương tiện phạm tội, Hội đồng xét xử thấy rằng đó là tài sản chung của bị cáo và bà Lò Thị S nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước 1/2 giá trị chiếc xe máy đó và trả lại cho bà Lò Thị S 1/2 giá trị chiếc xe máy trên.

**[7] Về án phí:** Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Vì Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**[8] Về các vấn đề khác:**

Vì Văn T khai nguồn gốc số ma túy trên là của Y và hiện Y đang sống bên Lào, nên Cơ quan điều tra không có đủ căn cứ để xác minh làm rõ. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với người đàn ông thanh niên vận chuyển số ma túy đến giao cho Vì Văn T vào ngày 24/11/2019 giới thiệu nhà ở xã T. Do Vì Văn T không biết rõ họ tên, địa chỉ cụ thể của người đàn ông đó nên Cơ quan điều tra không có đủ căn cứ để xác minh làm rõ. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với số điện thoại ghi trên bì catton, cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng Lưu Xuân H không thừa nhận có quen biết với Vì Văn T.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b Khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

**1. Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Vì Văn T phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

**2. Về hình phạt:** Áp dụng điểm b Khoản 4 Điều 250; điểm s, r Khoản 1 Khoản 2 Điều 51, Điều 40 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vi Văn T Tử hình.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

**3. Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

**\* Tịch thu tiêu hủy:**

- 4.970,3 gam Methamphetamine là vật chứng của vụ án còn lại sau khi giám định.

- 01 phong bì niêm phong bằng phong bì thư bưu điện mặt trước có dòng chữ viết tay ghi: Hoàn lại đối tượng giám định gồm 02 mảnh bì catton, mặt ngoài mỗi mảnh bì có dán giấy kẻ ngang màu trắng.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 084039; BKS: 27P1 - 006.26. Cấp ngày 04/9/2019 mang tên Vi Văn T.

**\* Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:**

- ½ giá trị chiếc xe máy nữ biển kiểm soát: 27P1 - 006.26 nhãn hiệu Honda Future màu xanh, số khung: RLHJA02091Y343844; Số máy: JA02E-0343889. Xe đã cũ qua sử dụng, thu giữ của Vi Văn T.

**\* Trả lại cho bà Lò Thị S (vợ của bị cáo Vi Văn T), địa chỉ: Bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên:**

- ½ giá trị chiếc xe máy nữ biển kiểm soát: 27P1 - 006.26 nhãn hiệu Honda Future màu xanh, số khung: RLHJA02091Y343844; Số máy: JA02E-0343889. Xe đã cũ qua sử dụng, thu giữ của Vi Văn T.

**\* Trả lại cho bị cáo Vi Văn T:**

- 01 giấy chứng minh thư nhân dân số: 040264988. CAT - Điện Biên cấp ngày 26/6/2017 mang tên Vi Văn T.

*(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 09/9/2020).*

**4. Về án phí:** Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Vi Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo đối với bản án:** Căn cứ Điều 331, Điều 333 và Điều 367 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/9/2020).

Trong thời hạn 07 ngày kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo bị tuyên án tử hình có quyền làm đơn xin ân giảm đến Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo Vì Văn T;
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Thông báo);
- Phòng HC Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I (Tòa án nhân dân tối cao);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Trọng Đoàn**